

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/DS-PT

Ngày: 11 - 02 - 2020

V/v tranh chấp giao dịch hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Giang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dề - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp giao dịch hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 350/2019/QĐ-PT ngày ngày 31 tháng 13 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Lệ T1, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 4A, đường Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Tạ Hồng L1, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường H8, khu dân cư Licogi, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tạ Hồng L1: Anh Trương L2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 20, đường Nguyễn Bình, khu đô thị Tài Lộc, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Minh T2, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 4A, đường Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Chị Tạ Hồng L1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Lệ T1 trình bày: Chị có tham gia hai dây hội do chị Tạ Hồng L1 làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Hội mở ngày 26/5/2017 (âm lịch), gồm 20 hội viên tham gia, tổng cộng 40 chân (40 phần hội), loại hội 3.000.000đ/chân, 20 ngày khui một lần. Dây hội này chị tham gia 03 chân. Thỏa thuận đầu thảo 2.000.000đ/kỳ hội.

+ Chân thứ nhất: Chị đã hốt, chị T1 đã giao đủ tiền hội.

+ Chân thứ hai: Chị được hốt hội ở kỳ khui hội thứ 34 (tháng 3/2019 âm lịch). Chị bỏ thăm 3.000.000đ, sau khi trừ hoa hồng, còn lại số tiền chị L1 phải giao cho chị là 100.000.000đ, nhưng chị L1 không giao. Do chị phải đóng hội chết 6 kỳ trong tương lai với tổng số tiền 18.000.000đ nên tại Cơ quan điều tra công an thành phố Cà Mau chị thống nhất đối trừ số tiền 18.000.000đ. Chị chỉ yêu cầu chị L1 giao cho chị 82.000.000đ.

+ Chân hội còn lại: Kỳ khui hội thứ 35 (tháng 4/2019 âm lịch), chị không bỏ hội mà thỏa thuận chị ngừng hội. Tổng số tiền chị L1 phải giao cho chị ở kỳ hội thứ 35 là 102.000.000đ.

Tổng số tiền chị L1 còn phải giao cho chị của dây hội này là 184.000.000đ. Do chị phải đóng hội chết cho chân hội của dây hội loại 5.000.000đ đã mãn trước đó nên chị và chị L1 thống nhất đối trừ. Do đó chị L1 chỉ phải giao cho chị số tiền 164.560.000đ và số tiền này là xong nghĩa vụ đóng hội của chị đối với chị L1 đến thời điểm dây hội này mãn. Dây hội này đã mãn hội vào tháng 6/2019 âm lịch.

- Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 15/4/2017 (âm lịch) gồm 18 hội viên tham gia, tổng cộng 37 chân, loại hội 5.000.000đ/chân, 20 ngày khui một lần. Dây hội này chị tham gia 04 chân.

+ Chân thứ nhất và chân thứ hai: Chị hốt hội, chị L1 giao đủ tiền hội.

+ Chân thứ 03: Khui hội ngày 16/01/2019 (âm lịch), chị bỏ thăm số tiền 3.010.000đ, chị được hốt hội. Số tiền hốt hội chị L1 phải giao cho chị là 167.960.000đ. Trừ tiền hội chết của hai chân hội chị đã hốt, tiền hoa hồng, tiền 01 chân hội của chị còn sống thì chị L1 phải giao cho chị là 152.970.000đ. Sau đó chị L1 đã giao cho chị số tiền 60.000.000đ. Số tiền hội chị L1 còn nợ chị của chân hội này là 92.970.000đ.

+ Chân hội thứ 04: Hốt ngày 26/02/2019 (âm lịch), chị bỏ thăm 3.450.000đ, số tiền được hốt hội 173.100.000đ. Trừ tiền 03 chân hội chết chị đã hốt hội trước đó, trừ tiền hoa hồng, số tiền chị L1 phải giao cho chị là 155.100.000đ. Dây hội này đã mãn vào tháng 4/2019 âm lịch.

Tổng số tiền hội chị L1 phải giao cho chị đối với dây hội loại 5.000.000đ/chân này là 248.070.000đ. Do chị còn phải đóng 02 kỳ hội chết cho 04 chân hội đã hốt của dây hội này với tổng số tiền 40.000.000đ, nên chị với chị L1 thỏa thuận đối trừ tiền hội chết chị phải đóng cho tương lai. Còn lại chị L1 phải

giao cho chị số tiền là 208.070.000đ. Nhưng do chị còn nợ chị L1 các khoản tiền khác với tổng số tiền 25.050.000đ nên chị với chị L1 thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ của chị với chị L1. Số tiền chị L1 phải giao cho chị đối với dây hụi này là 183.020.000đ.

- Tổng số tiền hụi chị L1 còn phải giao cho chị đối với hai dây hụi nêu trên là 347.580.000đ. Số tiền này đã được chị L1 thừa nhận và quyết toán với chị tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Do khi mở hụi, chị L1 và các hụi viên có thỏa thuận sau 05 ngày kể từ ngày khai hụi thì các hụi viên phải góp hụi cho chủ hụi để chủ hụi giao tiền hụi gom được cho người được hốt hụi ở kỳ khai hụi đó trong ngày gom hụi; nếu chị L1 chậm giao tiền hụi thì chị L1 phải thanh toán thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Do chị L1 chậm thực hiện nghĩa vụ giao hụi nên chị yêu cầu chị L1 thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm giao với mức lãi suất 20%/năm. Tiền lãi tạm tính đối với số tiền hụi 164.560.000đ chậm giao của dây hụi loại 3.000.000đ/chân tính từ tháng 4/2019 âm lịch đến ngày xét xử làm tròn là 5,5 tháng, tiền lãi yêu cầu là 15.084.000đ; Tiền lãi tạm tính đối với số tiền hụi 183.020.000đ chậm giao của dây hụi loại 5.000.000đ/chân tính từ đầu tháng 3/2019 âm lịch đến ngày xét xử làm tròn là 6,5 tháng, tiền lãi yêu cầu là 19.827.000đ.

Tổng số tiền vốn và lãi chị yêu cầu chị L1 thanh toán là 382.491.000đ (trong đó: tiền gốc là 347.580.000đ; tiền lãi là 34.911.000đ).

- Chị không đồng ý trả cho chị Tạ Hồng L1 số tiền 38.737.000đ theo yêu cầu phản tố của chị L1, cho rằng yêu cầu của chị L1 không hợp lý.

Người đại diện hợp pháp của của bị đơn anh Trương L2 trình: Chị L1 thừa nhận chị T1 có tham gia chơi hụi do chị L1 làm chủ hụi. Chị L1 thống nhất với lời trình bày của chị T1 về các vấn đề thỏa thuận giữa chủ hụi và hụi viên liên quan đến các dây hụi, các chân hụi, thời gian mở hụi, thời gian chị T1 hốt hụi, số tiền chị T1 được hốt và số tiền chị L1 phải giao, số tiền chị L1 đã giao cho chị T1 đối với từng chân hụi ở từng dây hụi, tiền lãi chị L1 phải chịu khi giao hụi trễ cho hụi viên được hốt hụi. Anh xác định các dây hụi chị T1 tham gia do chị L1 làm chủ hụi hiện nay đã mãn hụi đúng như chị T1 trình bày. Đồng thời anh L2 thừa nhận sau khi chị L1 và chị T1 quyết toán tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau về số tiền hụi thì số tiền hụi chị L1 còn phải giao cho chị T1 tổng cộng là 347.580.000đ.

Chị L1 có hứa sẽ trả dần số tiền trên cho chị T1 nhưng do chị T1 khởi kiện chị L1 ra Tòa án nên chị L1 không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu của chị T1; chị L1 yêu cầu tính lại tiền lãi hụi mà chị T1 được nhận theo quy định của Bộ luật dân sự và Nghị định của Chính phủ đã quy định về hụi: Đối với dây hụi loại 3.000.000đ/chân thì chị T1 chỉ được nhận tổng cộng 152.633.000đ (trong đó tiền chị T1 góp hụi: 152.970.000đ, tiền lãi theo pháp luật chị T1 được hưởng trên số tiền đã góp: 3.663.000đ; tiền hoa hồng phải trả cho chị L1: 4.000.000đ), nhưng chị

L1 đã giao cho chị T1 95.240.000đ. Đối với dây loại 5.000.000đ/chân thì chị T1 chỉ được nhận tổng cộng 315.200.000đ (trong đó: tiền chị T1 góp hụi: 307.940.000đ, tiền lãi theo pháp luật chị T1 được hưởng 7.260.000đ, không tính tiền hoa hồng), nhưng chị L1 đã giao cho chị T1 387.330.000đ. Như vậy, tổng số tiền chị T1 được nhận theo quy định pháp luật của dây hụi mở ngày 26/5/2017 âm lịch và dây hụi mở ngày 15/4/2017 âm lịch tổng cộng là 467.833.000đ. Thực tế chị L1 đã giao cho chị T1 tổng cộng là 482.570.000đ, vượt số tiền chị T1 được hưởng. Đây cũng là lý do chị L1 không đồng ý giao thêm cho chị T1 và anh T2 tổng số tiền 382.491.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L1 yêu cầu phản tố, yêu cầu chị T1 trả cho chị L1 tổng số tiền lãi hụi chị T1 đã nhận vượt quy định pháp luật với tổng số tiền 320.088.000đ.

Sau đó, chị L1 thay đổi yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu chị T1 trả cho chị L1 số tiền 38.737.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Minh T2 trình bày: Anh là chồng của chị T1. Tiền hụi chị T1 góp khi tham gia các dây hụi do chị L1 làm chủ hụi là tài sản chung của anh và chị T1. Anh thống nhất với trình bày và yêu cầu của chị T1 đối với chị L1 về các dây hụi. Anh yêu cầu chị L1 trả cho vợ chồng anh tổng số tiền hụi bao gồm tiền hụi phải giao và tiền lãi do chậm giao, tổng số tiền yêu cầu là 382.491.000đ. Anh không đồng ý với yêu cầu phản tố của chị L1, cho rằng yêu cầu của chị L1 không hợp lý.

Từ nội dung tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Lệ T1 và yêu cầu của anh Dương Minh T2. Buộc bị đơn chị Tạ Hồng L1 thanh toán cho chị Trần Lệ T1 và anh Dương Minh T2 số tiền hụi còn nợ là 380.243.500đ (*ba trăm tám mươi triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng. Trong đó: tiền vốn là 347.580.000đ, tiền lãi là 32.663.500đ*).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi chênh lệch là 2.247.500đ.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tạ Hồng L1 về việc buộc chị Trần Lệ T1 trả số tiền 38.737.000đ.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/11/2019, chị Tạ Hồng L1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết lại do án sơ thẩm vi phạm tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của chị Tạ Hồng L1 là anh Trương L2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 173/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của TAND thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn chị Tạ Hồng L1 về việc cho rằng cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của chị đối với số tiền chênh lệch 281.351.000 đồng (320.088.000 đồng – 38.737.000 đồng) để làm căn cứ xác định án phí mà chị phải chịu là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị trong việc được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 7.033.775 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 06/8/2019, chị L1 có “Đơn yêu cầu phản tố” theo đó chị yêu cầu chị T1 trả cho chị số tiền 320.088.000 đồng, chị L1 có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 8.002.000 đồng. Ngày 16/9/2019, chị L1 có “Đơn yêu cầu phản tố sửa đổi, bổ sung” theo đó chị thay đổi yêu cầu phản tố, chị chỉ yêu cầu chị T1 trả cho chị số tiền 38.737.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc chị L1 phải chịu tổng án phí số tiền 20.949.000 đồng. Trong đó: 19.012.175 đồng là án phí phải chịu trên số tiền chị L1 phải trả cho vợ chồng chị T1 (380.243.500 đồng x 5%) và 1.936.850 đồng là án phí phải chịu đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận (38.737.000 đồng x 5%). Như vậy, việc cấp sơ thẩm xác định án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nêu trên là đúng quy định của pháp luật, do đó yêu cầu kháng cáo này của chị L1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị L1 về việc cho rằng cấp sơ thẩm không áp dụng quy định của pháp luật về hui để làm căn cứ tính lãi suất chậm giao tiền hui. Theo đó, áp dụng mức lãi suất 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là không khách quan, cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất xác định trường hợp chủ hui chậm giao tiền hui cho hui viên được hót hui thì chủ hui phải trả lãi cho hui viên được hót hui trên số tiền chậm giao với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Thực tế chị L1 đã chậm giao tiền hui cho chị T1 và anh T2 nên chị L1 phải trả thêm tiền lãi trên số tiền và thời gian chậm giao. Tuy nhiên, trong trường hợp này các bên chỉ thỏa thuận về việc trả lãi mà không xác định rõ mức lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 (tức 10%/năm). Việc cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 20%/năm là chưa phù hợp, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho đúng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị L1, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi chậm giao mà chị L1 phải chịu.

[3] Xét kháng cáo của chị L1 về việc cho rằng cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi chậm giao tiền hội sai, theo đó thời điểm tính tiền lãi chậm giao tiền hội là ngày 05/6/2019 (sau ngày chị L1 và chị T1 thỏa thuận tại Công an thành phố Cà Mau), Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 04/6/2019, Công an thành phố Cà Mau có tiến hành làm việc với chị L1 và chị T1 theo đơn yêu cầu của chị T1, tại buổi làm việc chị L1 thừa nhận có nợ hội chị T1 số tiền 347.580.000 đồng. Tại thời điểm này chị T1 chưa khởi kiện chị L1 và việc thừa nhận nghĩa vụ của chị L1 không thuộc trường hợp tính lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự. Thời điểm tính lãi chậm giao tiền hội được xác định theo thỏa thuận của các bên khi tham gia giao dịch hội. Cụ thể, việc tính lãi chậm giao tiền hội được bắt đầu vào ngày thứ 6 (sáu) kể từ ngày khai hội. Việc cấp sơ thẩm căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên để xác định thời điểm tính lãi chậm giao tiền hội là có cơ sở, do đó yêu cầu kháng cáo này của chị L1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi mà chị L1 phải chịu được tính lại như sau:

- Đối với dây hội loại 3.000.000đ/chân: Các đương sự thống nhất ngày mãn hội là tháng 6/2019 âm lịch.

+ Chân hội chị T1 được hốt ở kỳ khai kỳ thứ 34 (ngày 16/3/2019 âm lịch), chị L1 phải giao hội ngày 21/3/2019 âm lịch nên thời gian chậm giao hội đến ngày xét xử (ngày 02/10/2019 âm lịch – tháng 9/2019 âm lịch có 29 ngày) là 06 (sáu) tháng 10 (mười) ngày. Số tiền chị L1 phải giao cho chị T1 đối với chân hội này sau khi chị T1 phải góp hội cho chân hội chị T1 đã hốt trước đó và tự nguyện thanh toán trước tiền hội phải góp cho các kỳ hội còn lại là 164.560.000đ – 102.000.000đ (tiền hội chị T1 được nhận của chân hội ngừng ở kỳ 35) = 62.560.000đ. Do đó tiền lãi chậm trả của chân hội này là 62.560.000đ x 10%/năm x 06 tháng 10 ngày = 3.306.000đ (tính tròn).

+ Thời điểm bắt đầu tính lãi chị T1, anh T2 yêu cầu đối với chân hội chị T1 ngừng hội ở kỳ khai hội thứ 35 (khai ngày 06/4/2019 âm lịch) cũng 5,5 tháng là chưa phù hợp, bởi vì chân hội này khi chị T1 ngừng hội thì các hội viên khác tiếp tục khai hội, nên chị T1 chỉ được nhận tiền hội khi mãn hội vào tháng 6/2019 âm lịch. Sau khi đối chiếu với thời gian thực tế thì dây hội này mãn vào ngày 06/6/2019 âm lịch. Do đó, thời gian chậm giao phải tính từ ngày 11/6/2019 âm lịch đến ngày xét xử chứ không được tính từ kỳ giao hội thứ 34. Số tiền lãi chân hội ngừng ở kỳ khai hội thứ 35 được tính là: 102.000.000đ x 10%/năm x 3 tháng 20 ngày = 3.130.000đ (tính tròn).

Số tiền lãi được chấp nhận của dây hội này là 3.306.000đ + 3.130.000đ = 6.436.000đ.

- Đối với dây hội loại 5.000.000đ/chân: Các đương sự thống nhất thời gian mãn hội là tháng 4/2019 âm lịch. Chị T1, anh T2 yêu cầu tính lãi chậm trả của dây hội này từ ngày 01/3/2019 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với thời gian làm tròn là 6,5 tháng trên số tiền 183.020.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian chậm

thực hiện nghĩa vụ của chị L1 là 07 (bảy) tháng, nhưng chị T1 và anh T2 chỉ yêu cầu tính lãi 6,5 tháng là có lợi cho bị đơn. Số tiền lãi đối với dây hui này được tính là: $183.020.000đ \times 10\%/năm \times 6,5 \text{ tháng} = 9.912.500đ$.

Như vậy, tổng số tiền lãi chị L1 phải trả cho chị T1 và anh T2 là **16.348.500đ** (Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng).

[4] Do sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi mà chị L1 phải chịu nên cấp phúc thẩm xác định lại án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà các đương sự phải chịu, cụ thể như sau:

Chị L1 phải chịu án phí số tiền 20.132.900 đồng (tính tròn). Trong đó: 18.196.000 đồng là án phí phải chịu trên số tiền chị L1 phải trả cho vợ chồng chị T1 ($363.929.000 \text{ đồng} \times 5\%$) và 1.936.850 đồng là án phí phải chịu đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận ($38.737.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

Chị T1 và anh T2 phải chịu án phí trên số tiền lãi yêu cầu không được chấp nhận là 928.000 đồng ($18.562.500đ \times 5\%$).

[5] Do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên chị L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Tạ Hồng L1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Lệ T1 và yêu cầu của anh Dương Minh T2. Buộc bị đơn chị Tạ Hồng L1 thanh toán cho chị Trần Lệ T1 và anh Dương Minh T2 số tiền hui còn nợ là 363.929.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu chín trăm hai mươi chín ngàn đồng). Trong đó: tiền vốn là 347.580.000đ, tiền lãi là 16.348.500đ).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi chênh lệch là 18.562.500 đồng.

Kể từ ngày chị T1, anh T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L1 không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tạ Hồng L1 về việc buộc chị Trần Lệ T1 trả số tiền 38.737.000đ.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Tạ Hồng L 1 phải chịu tổng án phí là 20.132.900 đồng. Ngày 13 tháng 8 năm 2019, chị L 1 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.002.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0000586, chị L1 còn phải nộp tiếp số tiền 12.130.900 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Buộc chị Trần Lệ T 1 và anh Dương Minh T 2 phải chịu án phí số tiền 928.000 đồng. Ngày 12 tháng 6 năm 2019, chị T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.758.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0000281, đối trừ chị T1 được nhận lại số tiền 7.830.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Tạ Hồng L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Ngày 13/11/2019, chị L1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000973 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh